

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 743/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
- Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

6. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí, lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB&TCTHPL-Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng

QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án
phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ 01 dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia thực hiện: Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo, người thuộc hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người thuộc hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện: dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ đối tượng tham gia dự án

1. Hỗ trợ 90% chi phí mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi trong tổng mức hỗ trợ thực hiện 01 dự án không quá 03 tỷ đồng đối với người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo tại áp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xã, phường an toàn khu; xã đảo; xã, phường khu vực biên giới biên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hỗ trợ 80% chi phí mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi trong tổng mức hỗ trợ thực hiện 01 dự án không quá 03 tỷ đồng đối với người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo tại các địa bàn còn lại của tỉnh Vĩnh Long.

3. Hỗ trợ 70% chi phí mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi trong tổng mức hỗ trợ thực hiện 01 dự án không quá 03 tỷ đồng đối với người thuộc hộ mới thoát nghèo, người thuộc hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

4. Các đối tượng khác không quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, thì định mức hỗ trợ thực hiện theo các văn bản quy định chính sách hiện hành. Đối với trường hợp đối tượng thuộc diện hỗ trợ theo các định mức khác nhau quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này hoặc tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương) theo quy định hiện hành.

2. Lồng ghép nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 và nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác.

3. Huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đang triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định định mức hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bến Tre thì tiếp tục được triển khai theo Quyết định đã phê duyệt để giải ngân, thanh toán kinh phí theo quy định tại các Nghị quyết nêu trên.